

Giải quyết hài hòa các mối quan hệ - nguyên tắc căn bản trong triết lý phát triển Hồ Chí Minh

TS. LÊ THỊ THÚY BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thuybinhbctt25@gmail.com

Nhận ngày 10 tháng 12 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 2 năm 2024.

Tóm tắt: Trong một xã hội bao giờ cũng tồn tại nhiều mối quan hệ đan xen và sự phát triển bền vững của xã hội phụ thuộc lớn vào việc giải quyết hài hòa các mối quan hệ ấy. Trên hành trình tìm đường, nhận đường và dẫn đường cho cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy có bốn mối quan hệ lớn cần phải giải quyết để hướng tới mục tiêu phát triển, đó là quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và giai cấp, dân tộc và quốc tế, con người và tự nhiên. Sự gắn bó hài hòa giữa các mặt, các yếu tố này và việc giải quyết một cách thấu đáo các mối quan hệ trên tinh thần biện chứng duy vật, theo Hồ Chí Minh, chính là chìa khóa quan trọng của sự phát triển xã hội.

Từ khóa: mối quan hệ, nguyên tắc, triết lý phát triển Hồ Chí Minh.

Abstract: In any society, intertwined relationships are inherent, and the sustainable development of society greatly depends on harmonizing these relationships. On the journey of seeking, recognizing and leading the Vietnamese revolution, Ho Chi Minh identified four major relationships that need to be resolved to achieve development goals: tradition and modernity, the nation and social classes, the nation and the international community, humans and nature. According to Ho Chi Minh, the harmonious integration of these aspects and the thorough resolution of these relationships based on the dialectical materialist spirit is the key to society development.

Keywords: relationships, principles, Ho Chi Minh's development philosophy.

Trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã nêu ra và thực hành lý luận phát triển xã hội Việt Nam có tính triết học, nói cách khác là triết lý phát triển Hồ Chí Minh. Lý luận đó phản ánh quan điểm cơ bản và cốt lõi về đường lối, chính sách phát triển của đất nước; có vai trò định hướng cho hoạt động thực tiễn đa dạng của con người, nhằm biến đổi từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, ngày càng tốt lên. Trong triết lý phát triển ấy, Hồ Chí Minh xác định có bốn mối quan hệ lớn và các yếu tố trong những mối quan hệ đó không những không tách rời, biệt lập với nhau, mà ngược lại, chúng có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau, bổ sung cho nhau. Việc giải quyết hài hòa bốn mối quan hệ lớn được Hồ Chí Minh xác định là nguyên tắc căn bản để phát triển đất nước, xã hội và quan điểm lý luận đó vẫn giữ nguyên tính thời sự trong bối cảnh xã hội đương đại.

1. Mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại

Hồ Chí Minh quan niệm "truyền thống" là những phẩm chất, đặc điểm của con người được hình thành trong quá trình lịch sử và có tính ổn định, bền vững tương đối, cần được nhân dân giữ gìn và phát huy. Còn "hiện đại" là khái niệm thường gắn liền với những gì mới mẻ, tiên bộ, đối lập với sự lạc hậu, với cái cũ. Mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại trong quan niệm của Hồ Chí Minh được thể hiện ở bốn nội dung:

Một là, truyền thống là điểm khởi đầu của hiện đại, hiện đại là sự nối tiếp và phát triển truyền thống. Nếu truyền thống là những giá trị thuộc về lịch sử, quá khứ thì hiện đại là đặc trưng cho hiện tại và là tiền đề để đi đến tương lai. Đồng thời, hiện đại phải trở thành cái phát triển và nâng tầm truyền thống, vì không có giá trị hiện đại nào mà hoàn toàn tách rời, thoát ly các giá trị truyền thống. Đó mới là sức mạnh

và sức bền của sự phát triển xã hội. Hồ Chí Minh mặc dù khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin là "cẩm nang thần kỳ" là chân lý của thời đại, nhưng Người không tuyệt đối hóa, không vì đó mà phủ nhận các giá trị truyền thống của dân tộc và nhân loại. Xuất phát từ tinh thần trên, Người đã phát triển và nâng tầm chủ nghĩa yêu nước truyền thống thành chủ nghĩa yêu nước mới - yêu nước gắn với thương dân, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Người cũng phát huy truyền thống tương thân tương ái của dân tộc để xây dựng thành chiến lược đại đoàn kết và xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, với những nguyên tắc và phương pháp khoa học^[1]. Đồng thời, Người đón nhận những giá trị tích cực và phù hợp của các học thuyết tư tưởng, tôn giáo trên thế giới như triết lý nhân sinh - đạo đức của Nho giáo, chính sách về dân tộc - dân quyền - dân sinh của chủ nghĩa Tam dân, lòng yêu thương con người của Thiên chúa giáo để hình thành nên tư tưởng của mình cũng như vận dụng vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn cách mạng đặt ra.

Hai là, truyền thống là *tiền đề*, là *cầu nối*, *phương tiện* để chuyển tải, du nhập các giá trị hiện đại. Nhận thức rõ sức mạnh của các giá trị văn hóa truyền thống, khi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, Hồ Chí Minh yêu cầu phải "củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông"^[2]. Cũng chính bởi phát hiện thấy những yếu tố truyền thống của Việt Nam và châu Á tương thích với chủ nghĩa cộng sản - đó là chế độ ruộng đất công, là tư tưởng trọng dân, thân dân và truyền thống nhân nghĩa, đoàn kết - mà Người đã đưa ra nhận định đầy bất ngờ về khả năng dễ dàng thâm nhập vào châu Á hơn châu Âu của chủ nghĩa cộng sản, trong khi nhiều nhà cách mạng của Quốc tế Cộng sản còn coi châu Âu là trung tâm của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, là nơi chủ nghĩa cộng sản sẽ giành thắng lợi trước tiên trên toàn thế giới. Trên thực tế, Hồ Chí Minh đã sử dụng một cách hiệu quả các yếu tố truyền thống để chuyển tải các yếu tố hiện đại vào Việt Nam, đặc biệt là khi truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin nhằm nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ và nhân dân. Người thường lựa chọn lối diễn đạt rất ngắn gọn, giản dị, dễ hiểu như thể thơ lục bát, các câu ca dao, tục ngữ, và cả nghệ thuật lấy Kiều trong các tác phẩm tuyên truyền của mình. Quả thực, Hồ

Chí Minh đã "Việt Nam hóa" những tinh hoa của thế giới như cách nói của Thủ tướng Phạm Văn Đồng⁽²⁾.

Ba là, truyền thống và hiện đại đều hướng tới mục tiêu tạo lập sự phát triển ổn định và bền vững của đất nước. Nếu như truyền thống là yếu tố quyết định bản sắc riêng của mỗi dân tộc, giúp dân tộc đứng vững trước những thách thức thì hiện đại giúp dân tộc không ngừng tiếp thu những tri thức mới, theo kịp bước tiến chung của nhân loại. Nếu như truyền thống là nhấn mạnh cái tĩnh, cái ổn định, thì hiện đại là nhấn mạnh cái động, cái phát triển. Sự thống nhất giữa truyền thống và hiện đại được thể hiện ở chỗ, ổn định là để phát triển, chứ không phải để bảo thủ, đóng kín; phát triển đến lượt nó là để góp phần ổn định, chứ không phải phát triển bằng mọi giá, phát triển không bền vững. Đối với Hồ Chí Minh, sự phát triển ổn định nhất, vững bền nhất phải dựa trên việc động viên đến mức cao nhất sự tham gia chung sức của toàn dân, nhằm phục vụ lợi ích của toàn dân. Quan điểm "nước lấy dân làm gốc", "xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân" của Người mang ý nghĩa sâu xa là như thế. Do vậy, triết lý phát triển Hồ Chí Minh mang bản chất nhân văn, vì con người. Bất kỳ giá trị nào, dù là truyền thống hay hiện đại mà được Người lựa chọn, vận dụng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc đều có chung một tiêu chí là phục vụ lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

Bốn là, trong giải quyết mối quan hệ truyền thống và hiện đại thì phải có thái độ ứng xử rất văn hóa: không đoạn tuyệt, phủ định sạch trơn quá khứ mà phải chắt lọc những giá trị tinh hoa để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng hiện tại; phải biết loại bỏ những yếu tố lạc hậu, không còn thích hợp, đồng thời kế thừa, thấu nhận có chọn lọc những tinh hoa giá trị hiện đại. Hồ Chí Minh nhiều lần lên án những thói quen, truyền thống lạc hậu như những hủ tục trong ma chay, cưới hỏi, thôi gia trưởng, trọng nam khinh nữ, bệnh quan liêu hách dịch, tham lam, đồ kị, và coi đây là những kẻ địch, mỗi người cần phải cảnh giác và phòng trừ. Còn đối với cái mới, Người chỉ dẫn: "Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm" - đồng nghĩa với việc, cái gì mới mà không hay, không phù hợp thì cần phải tránh. Người không chấp nhận những cái gì giả danh, núp bóng cái mới

để chống phá cách mạng mà yêu cầu phải có sự chất lọc trên tinh thần [gạn đục khơi trong]. Với quan niệm đó, khi khảo sát lựa chọn mô hình phát triển tương lai của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh đã không chọn con đường của các cuộc cách mạng tư sản mặc dù nó được tô vẽ bằng những khẩu hiệu mỹ miều như [Tự do - bình đẳng - bác ái]. Đồng thời, Người lên án mạnh mẽ thực dân Pháp và sau này là đế quốc Mỹ đã núp dưới chiêu bài [khai hóa văn minh], nhân danh tiến bộ, dùng những vũ khí tối tân, hiện đại hòng bắt dân tộc ta và nhiều dân tộc khác trên thế giới phải khuất phục và cam chịu thân phận nô lệ. Người cho rằng, đó chính là những thứ phản tiến bộ, cần phải đấu tranh loại bỏ.

2. Mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp

Mối quan hệ giữa dân tộc - giai cấp trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất được giải quyết ở hai cấp độ: trong *nội bộ dân tộc* và trong *quỹ đạo cách mạng vô sản*. Trong nội bộ dân tộc, giải quyết mối quan hệ đó là giải quyết hai vấn đề: *một là* sắp xếp vị trí các giai tầng trong xã hội, và *hai là* giải quyết hài hòa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc.

Giải quyết vấn đề sắp xếp vị trí các giai cấp trong xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định là nó không tách rời cuộc đấu tranh giải quyết mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với các thế lực đế quốc xâm lược. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, theo Hồ Chí Minh, công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ là bầu bạn của công nông. Quan điểm này vừa xác định *trúng* lực lượng nòng cốt của cách mạng vừa tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các giai tầng khác, giúp mở rộng tối đa mặt trận đoàn kết toàn dân tộc, đồng thời cho thấy tư duy tiến bộ so với nhiều nhà cách mạng tiền bối.

Đồng thời, Hồ Chí Minh luôn khẳng định, vấn đề dân tộc, độc lập dân tộc là yếu tố phải được đặt lên *trên hết, trước hết*, bởi nếu không đòi được độc lập tự do thì [chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được⁽⁸⁾]. Lợi ích giai cấp công nhân nằm trong lợi ích chung của toàn dân tộc. Và nếu chỉ dựa vào lực lượng của riêng giai cấp công nhân, thậm chí cả giai cấp nông dân là hoàn toàn không đủ mà phải phát động cả dân tộc tham gia mới biến sức mạnh thành

lực lượng vô địch. Ở đây, yếu tố giai cấp được biểu hiện ở yếu tố dân tộc, và vấn đề dân tộc được giải quyết theo lập trường giai cấp công nhân.

Ở *cấp độ thứ hai*, trong quỹ đạo cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa cách mạng giải phóng dân tộc thuộc địa với cách mạng vô sản chính quốc và mối liên minh tất yếu giữa nhân dân, giai cấp vô sản ở thuộc địa với nhân dân, giai cấp vô sản ở chính quốc vì mục đích chung là giải phóng loài người khỏi ách áp bức của chủ nghĩa đế quốc. Ngay từ khi hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, nhận thấy hậu quả khôn lường của chủ nghĩa sô vanh nước lớn ở các nước đi thống trị và chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi ở các nước bị thống trị đối với phong trào cách mạng thế giới, Người đã nhiều lần lên tiếng phê phán một số đảng viên chưa thấm nhuần quan hệ sâu sắc giữa cách mạng thuộc địa và chính quốc. Người khẳng định: [Sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới; mỗi khi chủ nghĩa cộng sản giành được chút ít thắng lợi trong một nước nào đó] thì đó càng là thắng lợi cho cả người An Nam⁽⁹⁾.

3. Mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế

Hồ Chí Minh khẳng định, dân tộc là bộ phận của quốc tế, đây là sự gắn bó *tất yếu, tự nhiên* để cùng tồn tại và trưởng thành. Xu thế và hoàn cảnh quốc tế là môi trường và điều kiện quan trọng cho sự tồn tại, phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc. Một trong những nguyên nhân thất bại của các phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là do nhận thức về thế giới, về quốc tế của các nhà yêu nước lúc đó còn hạn hẹp nên đưa ra các phương hướng cách mạng không phù hợp với thời đại đã đổi thay. Hồ Chí Minh trên cơ sở nhận thức được thời đại quá độ nên đã sớm khẳng định: [Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả⁽¹⁰⁾]. Tư tưởng này thể hiện tầm nhìn được mở rộng ra toàn thế giới, không bị ràng buộc bởi biên giới địa lý (châu Á hay châu Âu), hay màu da, sắc tộc. Mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh có thể khái quát ở hai nội dung sau:

Một là, yếu tố dân tộc là *gốc*, là *nền tảng*, có ý nghĩa *quyết định* đối với sự phát triển của cách

mạng Việt Nam

Là người có tư duy độc lập, tự chủ, Hồ Chí Minh nhìn nhận những yếu tố dân tộc như là những yếu tố *nội sinh*, có vai trò *quyết định* đối với sự phát triển, thắng lợi của cách mạng. Trong cách mạng giải phóng dân tộc, Người tìm thấy động lực quyết định ở sức mạnh tổng hợp của bản thân dân tộc Việt Nam - điều mà không phải ai cũng nhận ra trong bối cảnh khủng hoảng của cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trong khi quan điểm của một số bậc tiền bối quá chú trọng vào ngoại viện như Nhật Bản, Trung Quốc, thì Hồ Chí Minh khẳng định phải *đem sức ta mà tự giải phóng cho ta*^[6]. Và ngay sau khi giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã chủ trương *trở về nước*, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập^[6]. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Người cũng thường xuyên nhắc nhở và khẳng định: *Cũng như trong thời kỳ kháng chiến, phương châm của ta hiện nay là: tự lực cánh sinh là chính, việc các nước bạn giúp ta là phụ*^[7].

Đồng thời, Hồ Chí Minh coi yếu tố dân tộc, đặc điểm dân tộc là *điều kiện tiên quyết* và *không thể thiếu* để có thể chuyển hóa và tiếp nhận các yếu tố quốc tế, ngoại sinh, tránh nguy cơ rơi vào chủ nghĩa giáo điều. Do chú trọng đến đặc điểm dân tộc mà khi dựa vào lý luận chung về chủ nghĩa cộng sản, Hồ Chí Minh đã xác định được một cách chính xác những nhiệm vụ của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam cũng như những nước thuộc địa và phụ thuộc, góp phần quan trọng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng đầy vẻ vang của dân tộc.

Hai là, các yếu tố quốc tế có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Trong khi nhấn mạnh các yếu tố dân tộc, nội sinh, Hồ Chí Minh không xem nhẹ vai trò của các yếu tố ngoại sinh và luôn chủ động tiếp nhận sự giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam. Trong thời đại cách mạng vô sản, nhận thức rõ *thắng lợi của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của các dân tộc gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ tích cực của phe xã hội chủ nghĩa và của phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa*^[8] nên Hồ Chí Minh đã tích

cực, chủ động kết hợp phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng quốc tế. Năm 1947, trả lời phỏng vấn một nhà báo Mỹ, Hồ Chí Minh nói rõ chính sách đối ngoại của Việt Nam là muốn *làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai*^[9]. Đó chính là chủ trương thêm bạn bớt thù, đoàn kết rộng rãi với nhân dân tiến bộ trên thế giới. Năm 1950, Hồ Chí Minh sang thăm Trung Quốc, Liên Xô và thành công của chuyến đi đó là sự công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam của hàng loạt nước xã hội chủ nghĩa, giúp Việt Nam củng cố quan hệ với lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới. Nhờ đó, một làn sóng mạnh mẽ phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của Pháp ở Đông Dương đã nổ ra, nhất là cuộc đấu tranh của nhân dân Pháp tiến bộ và yêu chuộng hòa bình, sau này là nhân dân Mỹ. Đây là cội nguồn sức mạnh góp phần quan trọng vào thắng lợi của hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc.

Không dừng lại ở đó, đối với Hồ Chí Minh, những kinh nghiệm cách mạng, những giá trị văn hóa quốc tế cũng vô cùng cần thiết cho cách mạng Việt Nam. Năm 1951, trong lời tựa cho cuốn *Tinh ủy bí mật*, Người đánh giá: *kinh nghiệm du kích ở Liên Xô sẽ giúp thêm chúng ta, và chúng ta nhất định thành công trong việc đẩy mạnh phong trào du kích*^[10]. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người thường xuyên yêu cầu phải *học tập những gương tốt* của các nước anh em để *bớt mò mẫm, đỡ phạm sai lầm*. Sự tiếp nhận các yếu tố quốc tế được Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm trong lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Người luôn rộng mở đón nhận những giá trị tích cực trong văn hóa nhân loại từ cổ chí kim, phương Đông lẫn phương Tây. Phê phán tính chất không triệt để của các cuộc cách mạng tư sản nhưng đối với những tư tưởng vĩ đại của văn hóa tư sản, Hồ Chí Minh vẫn đặc biệt coi trọng. Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Người trích dẫn các tư tưởng vĩ đại từ Tuyên ngôn của Mỹ và Pháp - là những nước đế quốc, thậm chí Pháp còn là nước đang xâm lược Việt Nam. Có thể thấy, tất cả những thành tựu văn hóa của nhân loại trong chừng mực còn ý nghĩa tiến bộ, còn đáp ứng được những yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam, đều được Hồ Chí Minh tiếp nhận và biến thành nhân tố, động lực của sự phát

triển ở Việt Nam.

Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc nhở, yếu tố quốc tế, ngoại sinh là rất quan trọng nhưng nó chỉ có tác dụng và biến thành sức mạnh khi chủ thể biết đón nhận và chuyển hóa nó thành yếu tố nội sinh: "Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta"⁽¹¹⁾. Rõ ràng, khi biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại sẽ làm khuếch trương thế và lực của ta, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, đưa cách mạng nhanh tới đích. Phương thức này được Người thực hiện rất độc đáo và rất thành công trong việc tiếp nhận hàng loạt các giá trị văn hóa ngoại sinh. Chủ nghĩa Mác - Lênin được vận dụng để làm sống động lại, tạo ra sự biến đổi về chất các giá trị truyền thống dân tộc như chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, những chuẩn mực đạo đức cũ. Chủ nghĩa Tam dân, qua sự tiếp nhận của Hồ Chí Minh đã trở thành một trong những nhân tố làm phát triển các giá trị độc lập, tự do, hạnh phúc - vốn là khát vọng ngàn đời của dân tộc.

4. Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên

Triết lý Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên là triết lý của một vĩ nhân có tình cảm đặc biệt sâu sắc với tự nhiên, một nhà hiền triết của dòng tư tưởng đề cao nhân sinh quan "con người hòa hợp với tự nhiên". Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong tư tưởng Hồ Chí Minh có những biểu hiện sau đây:

Trước hết, tự nhiên có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của xã hội loài người.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người từ buổi bình minh cho đến nay đã chứng minh rằng, tự nhiên là môi trường sống, là điều kiện tất yếu và cũng là đối tượng để con người, thông qua hoạt động thực tiễn, trước hết là hoạt động lao động sản xuất, duy trì sự tồn tại, phát triển của bản thân mình và xã hội. Người phương Đông nói chung, người Việt Nam nói riêng, xưa nay vốn rất quen thuộc với triết lý "thiên thời, địa lợi, nhân hòa" - phản ánh quan niệm về sự phù hợp giữa hoạt động của con người với quy luật vận động khách quan của tự nhiên. Với tư duy đó, Hồ Chí Minh khẳng định, cùng với sự lao động, sáng tạo của con người, tài

nguyên thiên nhiên trở thành một trong những nguồn lực quan trọng đối với công cuộc xây dựng, kiến thiết xã hội mới ở nước ta: "Rừng vàng vì có rất nhiều gỗ và lâm sản có thể đổi lấy nhiều máy móc, hàng hóa"; núi bạc, vì có nhiều quặng có thể xây dựng công nghiệp để phát triển kinh tế"⁽¹²⁾. Bởi vậy, ngay từ những năm đầu tiên của công cuộc kiến thiết, xây dựng miền Bắc, Người đã khẳng định rằng, nhiệm vụ quan trọng của chúng ta không chỉ là phát triển kinh tế, mà còn là "làm cho đất với nước điều hòa với nhau" để nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Thiên nhiên xuất hiện trong tư tưởng và tình cảm của Hồ Chí Minh không phải là một đối tượng để khai thác, cải tạo mà là một bộ phận của cuộc sống con người gắn với quan điểm "thiên nhân hợp nhất". Trong thơ Người, thiên nhiên với hình ảnh biểu trưng là vàng trắng, cây cối, cảnh vật luôn hiện lên gần gũi, thân thiết như một người bạn, thậm chí là tri âm tri kỷ của con người: "Giữa dòng bàn bạc việc quân/ Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền", "Trăng vào cửa sổ đòi thơ/ Việc quân đang bận xin chờ hôm sau", "Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ/ Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ", "Tiếng suối trong như tiếng hát xa/ Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa".

Trên cơ sở nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của giới tự nhiên đối với sự phát triển bền vững của xã hội loài người, Hồ Chí Minh *ngghiêm khắc lên án* những hành vi phá hoại, khai thác mang tính tước đoạt, bóc lột môi trường tự nhiên của con người. Với nhân dân ta, Người nhiều lần phê phán hiện tượng phá rừng bừa bãi, coi đó là hành vi "đem vàng đồ xuống biển". Đồng thời, trong nhiều báo cáo, hay các bức điện gửi tới các Hội nghị thế giới chống bom nguyên tử và bom khinh khí, Người đã lên án các nước đế quốc như Mỹ, Anh về hành vi thử bom hạt nhân ở khu vực Thái Bình Dương; ném bom nguyên tử và gây ra thảm họa hạt nhân ở Nhật Bản năm 1945; chính sách tội ác đốt sạch, phá sạch, phá hoại môi trường của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Luận điểm đó của Hồ Chí Minh càng có ý nghĩa sâu sắc hơn khi ngày nay, con người đã nhận ra rằng, tài nguyên thiên nhiên không phải là vô tận, đặc biệt một số tài nguyên như rừng, đất đai, khoáng sản

rất ít hoặc không có khả năng tái tạo và môi trường tự nhiên ngày càng bị hủy hoại nghiêm trọng trước sự tăng trưởng nóng của nhiều nền kinh tế.

Hai là, con người phải tích cực tham gia giữ gìn tự nhiên, bảo vệ môi trường sống bằng những giải pháp thiết thực và cụ thể.

Đó là giải pháp trồng cây gây rừng. Hồ Chí Minh chính là người đã đề xuất "sáng kiến vĩ đại" - Tết trồng cây - để đem lại màu xanh và nhiều nguồn lợi to lớn cả về vật chất và tinh thần cho đất nước, cho nhân dân. Phong trào này thể hiện tầm nhìn vượt trước thời đại và là một biểu hiện sinh động trong hệ giá trị văn hóa sinh thái của dân tộc Việt Nam. Vào những năm 60 của thế kỷ trước, vấn đề môi sinh chưa đặt ra một cách cấp bách đối với Việt Nam và thế giới như hiện nay; và mối quan hệ giữa rừng với tình trạng nguồn nước, với việc duy trì sự phong phú của hệ sinh thái, với sự biến đổi khí hậu... cũng chưa được chú ý. Mãi tới năm 1972, cộng đồng thế giới mới biết tới báo cáo về "Giới hạn của sự tăng trưởng" của câu lạc bộ Roma. Có thể khẳng định, quan điểm "trồng cây" gắn với "trồng người" thể hiện ẩn ý sâu xa về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên - các nhân tố thiết yếu trong triết lý phát triển xã hội của Người, đảm bảo tính hài hòa và trường tồn của vũ trụ.

Đó là giải pháp giữ gìn vệ sinh môi trường sống và môi trường tự nhiên. Nhận thấy không thể có sức khỏe tốt nếu không đảm bảo một môi trường sống trong sạch và lành mạnh, Hồ Chí Minh thường xuyên căn dặn nhân dân các địa phương: "Về vệ sinh, đường sá phải sạch sẽ. Ao tắm giặt, giếng nước uống phải phân biệt và sẵn sóc cẩn thận. Những ao hồ không cần thì lấp đi, cho đỡ muỗi"⁽¹³⁾. Có thể thấy, Người rất quan tâm đến việc phải đảm bảo nguồn nước sạch, tích cực đào giếng, tích cực diệt ruồi muỗi để triệt tiêu nguồn bệnh. Chính Người đã khởi xướng phong trào "Vệ sinh yêu nước" và được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng tạo thành một phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp.

Đồng thời phải tích cực rèn luyện sức khỏe, hình thành lối sống văn minh, hài hòa với tự nhiên. Để giữ gìn, bảo vệ và chăm sóc tự nhiên - "cái nôi" của con người, Hồ Chí Minh khuyên con người hình thành lối sống chan hòa, gần gũi với thiên nhiên; lối

sống tiết kiệm, sử dụng hợp lý của cải vật chất và các tài nguyên thiên nhiên như đất, nước... và phải tích cực luyện tập thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe. Bản thân Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng cho lối sống văn minh, lành mạnh đó. Riêng với vấn đề rèn luyện thể dục thể thao, Hồ Chí Minh nhấn mạnh lợi ích không chỉ là đem lại sức khỏe thể chất và tinh thần cho bản thân mà theo Người, đó còn là "bổn phận của mỗi một người yêu nước"⁽¹⁴⁾, tức là tiêu chí, thước đo đánh giá lòng yêu nước, trách nhiệm đối với tập thể.

Có thể thấy, việc phát động phong trào Tết trồng cây, giữ gìn vệ sinh môi trường sống và môi trường tự nhiên, xây dựng lối sống văn minh, hài hòa với thiên nhiên là những hành động thể hiện rõ trách nhiệm của con người đối với thiên nhiên và các thế hệ tương lai. Và đó chính là cơ sở quan trọng cho sự phát triển bền vững - sự phát triển của ngày hôm nay nhưng không để lại hậu quả và gây tổn hại tới lợi ích của thế hệ mai sau.

Triết lý Hồ Chí Minh về giải quyết đúng đắn, hài hòa các mối quan hệ phục vụ mục tiêu phát triển thể hiện tính sâu sắc, đúng đắn và khoa học, vừa có ý nghĩa chiến lược chỉ đạo lâu dài, vừa giúp chúng ta giải quyết những vấn đề của thực tiễn đổi mới đất nước một cách thuyết phục. Nhận rõ sự chuyển hóa, tác động giữa các yếu tố trong bốn mối quan hệ lớn đó, không tuyệt đối hóa yếu tố nào, cũng không xem nhẹ yếu tố nào và có thái độ ứng xử văn hóa trong xử lý các mối quan hệ là một bài học kinh nghiệm quan trọng trong đổi mới và phát triển đất nước. Điều đó một lần nữa chứng tỏ nhận định về giá trị và sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, di sản Hồ Chí Minh nói chung với dân tộc và nhân loại, hôm nay và mai sau!./.

(1), (4), (6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. CTQG Sự thật, H., T.1, tr.510, 520, 209.

(2) Phạm Văn Đồng (1963), *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta*, Nxb. Sự thật, H., tr.18.

(3) Văn kiện Đảng (2000), *Toàn tập*, Nxb. CTQG Sự thật, H., T.7, tr.113

(5) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.2, tr.329.

(7) (11) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.10, tr.56, 56-57.

(8) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.15, tr.392.

(9) (13) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.5, tr.256, 119.

(10) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.7, tr.237.

(12) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.12, tr.230.

(14) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđd, T.4, tr.241.